



# tesa® ACXplus 7065 High Adhesion

## Thông tin Sản phẩm

Băng keo ACX<sup>plus</sup> có độ bám dính cao dày 1200 µm



### Mô tả sản phẩm

tesa® ACX<sup>plus</sup> 7065 là băng keo xốp acrylic màu đen.

Sản phẩm được cấu tạo bởi hệ thống acrylic hiệu suất cao và đặc trưng chủ yếu bởi sức mạnh liên kết, khả năng phân tán lực tác động và chịu nhiệt và chịu thời tiết

Do công thức độc đáo của băng keo tạo nên sự kết hợp giữa độ bám dính rất cao với sức kháng tối đa chống lại các tác nhân làm thay đổi chất kết dính. Sản phẩm được thiết kế đặc biệt cho các liên kết với “những vật liệu khó dính”, chẳng hạn như vật liệu được sơn tĩnh điện hoặc các vật liệu nhựa. Ngay cả khi kết hợp các vật liệu trên với tất cả các loại kim loại, hoặc liên kết kim loại / kim loại, nó vẫn đảm bảo giải pháp tiện lợi do quy trình dán có độ an toàn cao.

- Lõi xốp acrylic với đặc tính đàn hồi, co giãn giúp bù đắp cho sự giãn nở khác nhau do nhiệt của các vật liệu được dán
- Sản phẩm này cung cấp độ dính ban đầu và độ bám dính lâu dài cao.

### Đặc trưng

- Lõi xốp acrylic với đặc tính đàn hồi giúp bù đắp cho sự giãn nở ở cấp độ khác nhau do nhiệt của các bộ phận được liên kết
- Sản phẩm này cung cấp độ bám dính rất cao ngay cả trên bề mặt có năng lượng thấp.
- Nó kết hợp mức độ bám dính rất cao với khả năng chống lại sự di chuyển của chất hóa dẻo rất tốt.

### Ứng dụng

Dán với vật liệu khó liên kết như:

- Các thanh gờ chắn
- Các tấm ốp và lá mỏng sơn tĩnh điện
- Bộ phận phân lưu không khí

### Thông tin kỹ thuật (giá trị trung bình)

Các giá trị trong phần này chỉ nên được coi là mang tính đại diện hoặc điển hình và không nên sử dụng cho mục đích thiết lập thông số kỹ thuật.

### Cấu tạo sản phẩm

- |            |                  |           |         |
|------------|------------------|-----------|---------|
| • Lớp nền  | foamed acrylic   | • Độ dày  | 1200 µm |
| • Loại keo | acrylic cải tiến | • Màu sắc | đen     |

### Thuộc tính / Giá trị hiệu suất

- |                            |       |                             |        |
|----------------------------|-------|-----------------------------|--------|
| • Chịu nhiệt trong dài hạn | 70 °C | • Chịu nhiệt trong ngắn hạn | 170 °C |
|----------------------------|-------|-----------------------------|--------|



# tesa® ACXplus 7065

## High Adhesion

### Thông tin Sản phẩm

#### Độ kết dính trên

|                     |         |                      |         |
|---------------------|---------|----------------------|---------|
| • ABS (ban đầu)     | 15 N/cm | • thép (ban đầu)     | 30 N/cm |
| • ABS (sau 14 ngày) | 30 N/cm | • thép (sau 14 ngày) | 48 N/cm |
| • PP (ban đầu)      | 4 N/cm  | • thép (sau 3 ngày)  | 48 N/cm |
| • PP (sau 14 ngày)  | 7 N/cm  |                      |         |

#### Thông tin thêm

PV 22 = lớp lót giấy phủ PE màu trắng thương hiệu tesa® ACX<sup>plus</sup>

PV 24 = lớp lót film màu xanh dương

Giá trị bám dính với PMMA, kính và nhôm không phải là một phần của đặc điểm kỹ thuật sản phẩm.

tesa® ACX<sup>plus</sup> 7065 được công nhận theo tiêu chuẩn UL 746C. UL hồ sơ QOQW2.E309290

### Disclaimer

sản phẩm của tesa® được cải tiến chất lượng theo yêu cầu và được quản lý chặt chẽ từ giai đoạn sản xuất. Tất cả các thông tin và tư vấn sản phẩm được cung cấp dựa trên kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức của chúng tôi. Tuy nhiên, tesa SE không thể đảm bảo hay quy định một cách rõ ràng hoặc ngụ ý, có bao gồm nhưng không giới hạn cho mục đích sử dụng cụ thể. Do đó, người tiêu dùng nên nhận định sản phẩm tesa đang sử dụng có phù hợp cho mục đích sử dụng mà khách hàng đang nhắm tới hay không, có phù hợp với phương pháp mà khách hàng sử dụng hay không. Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào, đội ngũ kỹ thuật của chúng tôi rất vui lòng để tư vấn cho quý khách



để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=07065>